

## Tetragrams of the *Tàixuán jīng* 太玄經 (Classic of the Great Mystery)

Louis Komjathy 康思奇, Ph.D.  
Center for Daoist Studies 道學中心

Tetragram #	Name	Translation	Tetragram
1	Zhōng 中	Center	☰
2	Zhōu 周	Circle	☷
3	Xián 磧	Mired	☱
4	Xián 閑	Barrier	☶
5	Shǎo 少	Lessen	☲
6	Lì 戾	Contrariness	☱
7	Shàng 上	Ascension	☰
8	Gàn 干	Opposition	☱
9	Shū 舒	Expansion	☱
10	Xiàn 羨	Distortion	☱
11	Chà 差	Divergence	☱
12	Tóng 童	Youthfulness	☱
13	Zēng 增	Increase	☱
14	Ruì 銳	Penetration	☱
15	Dá 達	Reach	☱
16	Jiāo 交	Contact	☱
17	Ruǎn 𪔐	Withholding	☱
18	Xī 俟	Waiting	☱
19	Cóng 從	Following	☱
20	Jìn 進	Advance	☱
21	Shì 釋	Release	☱
22	Gé 格	Resistance	☱
23	Yí 夷	Ease	☱
24	Lè 樂	Joy	☱
25	Zhēng 爭	Contention	☱
26	Wù 務	Endeavor	☱
27	Shì 事	Responsibility	☱

28	Gèng 更	Alteration	☰
29	Duàn 斷	Decisiveness	☰
30	Yì 毅	Resolution	☰
31	Zhuāng 裝	Packing	☰
32	Zhòng 眾	Legion	☰
33	Mì 密	Closeness	☰
34	Qīn 親	Kinship	☰
35	Liǎn 斂	Gathering	☰
36	Jiàng 彊	Strength	☰
37	Suì 粹	Purity	☰
38	Shèng 盛	Fullness	☰
39	Jū 居	Residence	☰
40	Fǎ 法	Models	☰
41	Yīng 應	Response	☰
42	Yíng 迎	Meeting	☰
43	Yù 遇	Encounter	☰
44	Zào 竈	Stove	☰
45	Dà 大	Greatness	☰
46	Kuò 廓	Enlargement	☰
47	Wén 文	Pattern	☰
48	Lǐ 禮	Ritual	☰
49	Táo 逃	Flight	☰
50	Táng 唐	Vastness	☰
51	Cháng 常	Constancy	☰
52	Dù 度	Measure	☰
53	Yǒng 永	Eternity	☰
54	Kūn 昆	Alliance	☰
55	Jiǎn 減	Suppression	☰
56	Jìn 噤	Shut	☰
57	Shǒu 守	Guarded	☰
58	Xī 翕	Gathered	☰
59	Jù 聚	Amassing	☰

60	Jī 積	Accumulation	☱
61	Shì 飾	Embellishment	☱
62	Yí 疑	Doubt	☱
63	Shì 視	Watch	☱
64	Chén 沈	Sinking	☱
65	Nèi 內	Inwardness	☱
66	Qù 去	Departure	☱
67	Huì 晦	Darkening	☱
68	Méng 瞢	Dimming	☱
69	Qióng 窮	Exhaustion	☱
70	Gē 割	Severance	☱
71	Zhǐ 止	Stopping	☱
72	Jiān 堅	Hardness	☱
73	Chéng 成	Completion	☱
74	Zhì 闕	Closure	☱
75	Shī 失	Failure	☱
76	Jù 劇	Aggravation	☱
77	Xún 馴	Compliance	☱
78	Jiāng 將	Threshold	☱
79	Nán 難	Difficulty	☱
80	Qín 勤	Laboring	☱
81	Yǎng 養	Nourishment	☱